

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07/01/2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYỀN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Triệu Tiến Quang;
- Bà Triệu Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Lò Là Cáo – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 07/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Xền Thị S, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;*

2. *Bị đơn:* Anh Ly Văn Ph, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2025, bản tự khai ngày 18/10/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Xền Thị S trình bày:*

Chị Xền Thị S và anh Ly Văn Ph tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được bố mẹ hai bên đồng ý chấp nhận cho lấy nhau, vợ chồng chị S, anh Ph đăng ký kết hôn ngày 13/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang (Nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi có con đầu lòng thì anh chị bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh Ph đánh đập chị S rất nhiều lần, chị S đã báo cáo với hai bên gia đình nội ngoại, quản lý thôn về việc anh Ph có hành vi bạo lực chị S và nhiều lần chị S có trình báo lên Công an xã xuống hiện trường xem xét, giải quyết vụ việc. Vợ chồng chị S, anh Ph đã ly thân được một thời gian trở lại đây và không còn quan

tâm đến nhau nữa. Nay chị S cảm thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị S đề nghị Toà án cho chị S được ly hôn với anh Ly Văn Ph.

Về con chung: Chị Xền Thị S và anh Ly Văn Ph có với nhau ba đứa con chung tên là:

- Cháu Ly Ngọc T, sinh ngày 25/02/2015.
- Cháu Ly Thị Th, sinh ngày 23/11/2016.
- Cháu Ly Thị Th1, sinh ngày: 08/10/2018.

Vợ chồng ly hôn, chị S đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ly Thị Th1 cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi; anh Ph có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ly Ngọc T và cháu Ly Thị Th cho đến khi cháu T, cháu Th đủ 18 tuổi. Chị S không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị không tham gia phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Ly Văn Ph được nên chị S có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án với nội dung giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, chị S có trình bày bổ sung thêm về phần con chung đề nghị được nuôi cháu Ly Thị Th1, hằng ngày khi chị S làm xong việc đều gọi điện về hỏi thăm sức khỏe và sinh hoạt của cháu Th1. Chị thường xuyên gọi điện cho cô Bình là cô giáo chủ nhiệm của cháu Th1 để hỏi thăm tình hình học tập của cháu. Mỗi khi trở về nhà chị S đều đưa đón cháu Th1 ra ở tại nhà ông ngoại của cháu, thời gian ở bên chị S, cháu Th1 cảm thấy hạnh phúc và mỗi lần đi làm xa cháu Th1 gọi điện nói nhớ chị S, muốn ở với chị S. Hàng tháng chị S đều gửi tiền về cho các cháu Th1, cháu T, cháu Th mua sắm đồ dùng sinh hoạt và học tập. Nếu được quyền nuôi cháu Th1, chị S không đi làm xa nữa mà trở về đón cháu Th1 sang nhà ông ngoại cùng anh trai ruột tại thôn Cốc Mui, xã T, tỉnh Tuyên Quang để ở và đã được ông ngoại cháu và anh trai chị S nhất trí cho cháu trở về sống cùng gia đình để chăm sóc và nuôi dạy cháu Th1. Trường hợp hoàn cảnh chị S có đi làm xa thì gia đình thay chị S chăm sóc cháu Th1, chị S sẽ gửi tiền về cho cháu, chị vẫn để cháu Th1 học ở trường cũ và được đi học với các chị gái cháu là cháu T và cháu Th.

** Tại bản tự khai ngày 28/10/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Ly Văn Ph trình bày:* Anh Ly Văn Ph và chị Xền Thị S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang (*Nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang*), sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2023 thì có cãi vã nhau vì anh Ph đi làm ăn xa nhà, không có điều kiện để thường xuyên gần gũi gia đình, khiến cho tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Sau ngày 03 tháng 5 năm 2025 âm lịch vợ chồng anh chị có xích mích với nhau, từ hôm đó chị S đã bỏ nhà đi về nhà bố đẻ và anh trai của chị S, anh Ph có đến để bảo chị S quay về tuy nhiên anh trai của chị S nhất quyết không cho chị S về với anh Ph nữa. Anh Ph đã biết bản thân mình sai, tuy nhiên anh Ph mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để

anh Ph có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình. Do đó anh Ph không nhất trí với yêu cầu ly hôn với chị Xền Thị S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có ba con chung:

- Cháu Ly Ngọc T, sinh ngày 25/02/2015.
- Cháu Ly Thị Th, sinh ngày 23/11/2016.
- Cháu Ly Thị Th1, sinh ngày: 08/10/2018.

Trường hợp ly hôn anh Ph đề nghị giao cả ba cháu T, cháu Th và cháu Th1 cho anh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do đang bận đi làm xa nhà, không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa được nên anh Ly Văn Ph có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án. Anh Ph giữ nguyên các nội dung về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp như đã trình bày tại bản tự khai và các buổi hòa giải tại Tòa án.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Đề nghị Tòa án tuyên xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Xền Thị S. Đề nghị xử cho chị Xền Thị S được ly hôn với anh Ly Văn Ph. Về con chung: Giao cho chị Xền Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ly Thị Th1, sinh ngày 08/10/2018 cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi. Giao cho anh Ly Văn Ph là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ly Ngọc T, sinh ngày 25/02/2015 và cháu Ly Thị Th, sinh ngày 23/11/2016 cho đến khi cháu T, cháu Th đủ 18 tuổi, Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị S, anh Ph có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn chị Xền Thị S thuộc đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị S theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Xền Thị S có đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với bị đơn anh Ly Văn Ph, anh Ph có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Xền Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do đang bận công việc không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa được, nên chị S có đơn xin được giải quyết vắng mặt.

[3] Bị đơn anh Ly Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận đi làm xa nhà, không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa được, nên anh Ph xin phép được vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án. Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tuyên Quang đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho các đương sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Xền Thị S và bị đơn anh Ly Văn Ph là có căn cứ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn chị Xền Thị S, bị đơn anh Ly Văn Ph, các biên bản xác minh với đại diện chính quyền thôn, đại diện Công an xã T, tỉnh Tuyên Quang, người thân hai bên gia đình chị S, anh Ph thấy rằng: Sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2013 tại UBND xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang (*Nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang*), có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh Ph là ông Ly Lao C, bà Tãi Thị Nh. Trong thời gian anh chị chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, đánh chửi nhau và nhiều lần đại diện thôn cùng Công an xã đã thực hiện hòa giải cho hai vợ chồng. Từ khoảng tháng 7/2025 chị S không có mặt tại địa phương, việc chị đi đâu, làm gì, ở đâu không báo lại với thôn năm được, từ đó đến nay không thấy quay trở về sinh sống vun đắp hạnh phúc gia đình. Quá trình rời khỏi địa phương chị S có gọi điện về hỏi thăm các con chứ không hỏi han gì về tình hình của anh Ph, còn anh Ph đi làm ăn xa hàng tháng vẫn trở về nhà thường xuyên. Xét thấy vợ chồng chị S, anh Ph đã sống ly thân nhau mà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; người nào biết bổn phận của người đó, không có sự liên lạc, vun đắp, chia sẻ cùng nhau. Như vậy là cả hai vợ chồng đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Xền Thị S được ly hôn với anh Ly Văn Ph là có cơ sở.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị S, anh Ph có 03 (Ba) con chung là cháu Ly Ngọc T, sinh ngày 25/02/2015; cháu Ly Thị Th, sinh ngày 23/11/2016 và cháu Ly Thị Th1, sinh ngày 08/10/2018. Qua xác minh Trưởng thôn nơi chị S, anh Ph đăng ký hộ khẩu thường trú, người thân hai gia đình chị S, anh Ph và các thầy, cô giáo chủ nhiệm của các cháu thì hiện nay các cháu T, cháu Th và cháu Th1 đang ở cùng với ông bà nội và anh Ph. Đối với hai cháu Ly Ngọc T và cháu Ly Thị Th có nguyện vọng được ở với anh Ph, mọi liên lạc giữa nhà trường nơi cháu T, cháu Th theo học đều do anh Ph thực hiện. Nguyên đơn chị Xền Thị S có yêu cầu giao hai cháu T và cháu Th cho anh Ly Văn Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Còn anh Ph yêu cầu được nuôi cả ba cháu, trong đó bao gồm cháu T và cháu Th. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao cháu Ly Ngọc T và cháu Ly Thị Th cho anh Ly Văn Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên đương sự, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của hai cháu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với cháu Ly Thị Th1, nguyên đơn chị Xền Thị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Th1 và đón cháu trở về nhà bố đẻ cùng anh trai chị S nuôi dưỡng cháu. Qua phản ánh của cô giáo chủ nhiệm cháu Th1 thì thời gian ở trên lớp cháu có nhắc đến mẹ và muốn được ở cùng mẹ cháu, mọi liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh về cháu Th1 đều thông qua mẹ cháu. Việc chị S muốn nuôi cháu Th1 và đón cháu về nhà bố đẻ, theo ý kiến trình bày của ông Xền Sào S, bố đẻ chị S và anh Xền Đức L, anh trai của chị S đều nhất trí cùng chị S nuôi dạy cháu Th1. Bên cạnh đó theo biên bản xác minh với Công an xã T, tỉnh Tuyên Quang thì nhà bố đẻ chị S ở gần nhà bố mẹ đẻ của anh Ph (*Cách nhau khoảng 500m đường đi*), cháu T, cháu Th, cháu Th1 thường xuyên qua lại, đảm bảo cho các cháu gặp nhau duy trì tình cảm chị em và gần trường học nơi cháu Th1 đang theo học. Hội đồng xét xử xét thấy, cả chị S và anh Ph đều phải đi làm xa để kiếm thu nhập trang trải cuộc sống, việc nuôi con chung san sẻ cho mỗi người sẽ giảm bớt gánh nặng cho cả chị S lẫn anh Ph, giúp cho hai bên có điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được tốt hơn. Việc chị S cùng bố đẻ và anh trai nuôi cháu Th1 vẫn đảm bảo sự ổn định về môi trường sống, giáo dục của cháu Th1 như hiện nay. Ngoài ra do cháu Th1 đã đủ 07 tuổi, biên bản ghi nguyện vọng của cháu Th1 thể hiện cháu muốn được ở với mẹ cháu là chị Xền Thị S nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự tôn trọng nguyện vọng của cháu Th1, cần giao cháu Th1 cho chị Xền Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Xền Thị S và anh Ly Văn Ph được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[7] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Xền Thị S và bị đơn anh Ly Văn Ph có ý kiến là không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy ý kiến đề nghị của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được Hội đồng xét xử ghi nhận. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không có định. Các

bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[8] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Các bên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[9] Ý kiến, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Xền Thị S thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Xền Thị S, bị đơn anh Ly Văn Ph có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 208, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Xền Thị S, xử cho chị Xền Thị S được ly hôn với anh Ly Văn Ph.

2. Về con chung: Giao cho anh Ly Văn Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu Ly Ngọc T, sinh ngày 25/02/2015 và cháu Ly Thị Th, sinh ngày 23/11/2016 cho đến khi cháu T, cháu Th đủ 18 tuổi. Giao cho chị Xền Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ly Thị Th1, sinh ngày 08/10/2018 cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi. Chị S và anh Ph không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Xền Thị S được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị S số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000661 ngày 09/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn anh Ly Văn Ph không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Xền Thị S, bị đơn anh Ly Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 6 – Tuyên Quang;
- UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh